

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

Trang

Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo về kết quả công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 69

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười chín	Ngày 26 tháng 5 năm 2011

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 51 công ty con và 3 công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh số 17 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 49 công ty con và 3 công ty liên kết). Hiện tại, hoạt động chính của công ty mẹ và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; sản xuất và kinh doanh sản phẩm băng gỗ và đá granite; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Sư	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Vũ Hữu Điền	Thành viên

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Tốn	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Hải	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Sụ	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Rố	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trà Văn Hán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Sụ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Tập đoàn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Văn Sỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Số tham chiếu: 60752790/15046618

Ernst & Young Vietnam Limited
Saigon Riverside Office Center
8th Floor, 2A-4A Ton Duc Thang Street
District 1, Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam
Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
www.ey.com

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

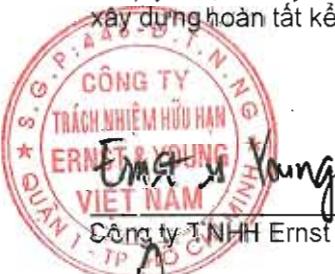
Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được trình bày từ trang 5 đến trang 69 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến các thuyết minh số 3.1 và số 40 của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đề cập đến việc Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 và sự thay đổi này đã được áp dụng hồi tố.



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV



Bùi Xuân Vinh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0842/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

B01a-DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6	Ngày 31 tháng 12
			năm 2011	năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.083.429.431	11.450.600.996
110	<i>I. Tiền</i>	5	3.123.568.302	3.588.663.440
111	1. Tiền		3.123.568.302	3.588.663.440
120	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	6	81.783.240	81.783.240
121	1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		81.783.240	81.783.240
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		5.024.016.434	3.452.068.403
131	1. Phải thu khách hàng	7	1.808.194.318	1.875.907.929
132	2. Trả trước cho người bán	8	2.028.295.225	1.249.025.710
135	3. Các khoản phải thu khác	9	1.188.685.329	328.293.202
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.158.438)	(1.158.438)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	10	4.541.984.540	4.106.947.894
141	1. Hàng tồn kho		4.542.038.024	4.107.001.378
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(53.484)	(53.484)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		312.076.915	221.138.019
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		21.803.822	47.251.854
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		134.746.360	77.671.693
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		18.082.003	17.431.326
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	137.444.730	78.783.146
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.025.563.028	7.592.520.528
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		5.939.052.521	4.409.784.787
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.770.272.360	1.401.270.498
222	Nguyên giá		2.029.117.413	1.598.371.382
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(258.845.053)	(197.100.884)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	19.139.723	14.284.184
225	Nguyên giá		21.273.991	14.896.718
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.134.268)	(612.534)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	120.599.133	115.360.179
228	Nguyên giá		123.539.936	117.798.151
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(2.940.803)	(2.437.972)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	4.029.041.305	2.878.869.926
250	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>		3.595.239.626	2.855.492.612
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.2	30.931.029	30.931.029
258	2. Đầu tư dài hạn khác	18	3.564.308.597	2.824.561.583
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		410.281.287	248.323.988
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	370.494.524	198.108.342
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.2	34.978.372	45.902.955
268	3. Tài sản dài hạn khác		4.808.391	4.312.691
269	<i>IV. Lợi thế thương mại</i>	4	80.989.594	78.919.141
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.108.992.459	19.043.121.524

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

B01a-DN/HN

Ngân VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)
300	A. NỢ PHẢI TRÀ		13.515.683.690	10.261.837.834
310	I. Nợ ngắn hạn		6.712.872.834	7.051.125.011
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	20	2.176.775.629	3.092.741.335
312	2. Phải trả người bán	21	705.854.911	667.296.812
313	3. Người mua trả tiền trước	22	2.507.207.192	2.265.885.537
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	612.008.042	384.763.659
315	5. Phải trả người lao động		26.350.091	22.396.670
316	6. Chi phí phải trả	24	422.260.933	223.899.400
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25	224.248.173	304.797.712
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		25.432.066	21.480.614
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.735.797	67.863.272
330	II. Nợ dài hạn		6.802.810.856	3.210.712.823
333	1. Phải trả dài hạn khác	26	23.650.416	23.718.851
334	2. Vay và nợ dài hạn	27	6.473.951.582	2.782.059.650
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.2	303.914.451	403.501.499
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.294.407	1.432.823
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	28	8.863.089.772	8.192.167.756
410	I. Vốn chủ sở hữu		8.863.089.772	8.192.167.756
411	1. Vốn cổ phần		4.672.805.900	3.115.206.970
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	3.504.012.140
422	3. Phụ trội hợp nhất công ty con		(363.065.578)	(363.632.578)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		133.493.398	59.665.483
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		8.622.737	8.622.737
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		220.253.686	210.865.390
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.310.007.061	1.657.427.614
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ	29	730.218.997	589.115.934
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.108.992.459	19.043.121.524

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
1. Các loại ngoại tệ - Đô la Mỹ (US\$) - KIP Lào (LAK)	2.383.743 2.213.580.222	2.107 1.289.308.956

Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sư
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

B02a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.1	764.324.816	864.579.392
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	31.1	(395.009)	(5.604.413)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.1	763.929.807	858.974.979
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	32	(406.767.412)	(373.799.903)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		357.162.395	485.175.076
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31.2	945.000.788	355.164.189
22	7. Chi phí tài chính	33	(215.411.723)	(92.823.824)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(185.895.122)	(89.192.882)
24	8. Chi phí bán hàng		(65.975.224)	(39.039.097)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(112.926.060)	(92.074.923)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		907.850.176	616.401.421
31	11. Thu nhập khác	34	8.935.901	26.283.110
32	12. Chi phí khác	34	(22.883.304)	(28.909.997)
40	13. Lỗ khác	34	(13.947.403)	(2.626.887)
45	14. Lợi nhuận từ công ty liên kết		-	4.808.450
50	15. Lợi nhuận trước thuế		893.902.773	618.582.984
51	16. Thuế TNDN hiện hành	35.1	(301.134.757)	(138.225.814)
52	17. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	35.2	88.662.465	(16.185.490)
60	18. Lợi nhuận thuần trong kỳ		681.430.481	464.171.680
61	Phân bổ cho:			
62	18.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số		70.531.245	70.081.163
62	18.2. Lợi nhuận thuộc về các của cổ đông của công ty mẹ		610.899.236	394.090.517
70	19. Lãi trên mỗi cổ phiếu	30		954
	- Lãi cơ bản (VNĐ)			



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

B03a-DN/HN

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)
01	I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		893.902.773	618.582.984
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định		65.725.022	74.006.693
03	Các khoản dự phòng		-	(534.902)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	31.2	(25.120.800)	(8.944.344)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(884.986.545)	(346.215.034)
06	Chi phí lãi vay	33	185.895.122	89.192.882
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		235.415.572	426.088.279
09	Tăng các khoản phải thu		(777.204.985)	(847.088.590)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(628.354.110)	810.153.548
11	Tăng các khoản phải trả		268.123.858	364.517.544
12	Giảm chi phí trả trước		38.974.522	44.100.324
13	Tiền lãi vay đã trả		(136.554.521)	(210.460.361)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	35.1	(50.255.395)	(77.692.602)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.749.180)	(53.438.743)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(1.098.604.239)	456.179.399
II.	LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.471.604.313)	(1.235.818.006)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	16.148.359
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.137.965.573)	(991.776.400)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		565.492.832	466.693.598
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		82.057.395	46.445.090
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.962.019.659)	(1.698.307.359)
III.	LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận vốn góp của cổ đông thiểu số		5.515.206	-
33	Tiền vay đã nhận		4.625.492.835	1.567.143.271
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.035.479.281)	(1.044.697.644)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.595.528.760	522.445.627

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

B03a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(465.095.138)	(719.682.333)
60	Tiền đầu kỳ		3.588.663.440	1.944.228.950
70	Tiền cuối kỳ	5	3.123.568.302	1.224.546.617

Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sỹ
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười chín	Ngày 26 tháng 5 năm 2011

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 51 công ty con và 3 công ty liên kết như được trình bày trong thuyết minh số 17 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 49 công ty con và 3 công ty liên kết). Hiện tại, hoạt động chính của công ty mẹ và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Nhật ký Chung.

2.3. Niên độ kế toán

Nhiên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ kế toán

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011. Các báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.13*). Các báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong chính sách kế toán*

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính các kỳ trước ngoại trừ:

Hội đồng Quản trị đã quyết định thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về vấn đề này. Theo chính sách kế toán mới, doanh thu và chi phí có liên quan hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Việc thay đổi này được xem là thay đổi chính sách kế toán theo Công văn trả lời của Bộ Tài chính ngày 18 tháng 2 năm 2011 và đã được áp dụng hồi tố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Ảnh hưởng của việc áp dụng hồi tố này vào số liệu đã báo cáo trong các kỳ trước được trình bày ở Thuyết minh số 40 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như được trình bày trong các Thuyết minh số 38 và 39.

3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ
dụng cụ, hàng hóa | - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân
gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất,
kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp
được phân bổ dựa trên công suất hoạt động
bình thường |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Đất đai chờ xây dựng căn hộ được trình bày trong mục “Đầu tư dài hạn khác” theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua quyền sử dụng đất, đền bù giải tỏa và san lấp mặt bằng. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

3.5 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây cao su, công trình thủy điện và khai thác mỏ của Tập đoàn mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đẽn bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đẽn bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

Khai thác mỏ

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thăm dò khoáng sản như chi phí đẽn bù giải tỏa đất, chi phí khai hoang.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuê tài sản

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ kế toán phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

- ▶ Chi phí trước hoạt động/chí phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh trong kỳ này);
- ▶ Công cụ dụng cụ.

3.13 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích từ cổ đông thiểu số của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông thiểu số được ghi nhận là lợi thế thương mại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

3.14 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.15 *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.17 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “*Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*” (“VAS 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) kỳ kế toán trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Nghiệp vụ	CMKTVN số 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn nếu Tập đoàn áp dụng Thông tư 201 cho các kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 là không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

- ▶ Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v.

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ kế toán khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

3.23 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ) tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ) tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.24 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Mua thêm cổ phần trong Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con, đã mua thêm 5% sở hữu trong Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn ("MTC") từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá mua 11.000.000 ngàn VNĐ.

Ban giám đốc công ty đánh giá rằng việc mua cổ phần của MTC là mua một nhóm tài sản chứ không phải mua doanh nghiệp. Do đó, số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của MTC (chủ yếu là đất) tại ngày mua là 5.668.680 ngàn VNĐ được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ như là một khoản chi phí đất của MTC được dùng để đầu tư xây dựng căn hộ (*Thuyết minh số 18*).

4.2 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk

Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai, công ty con, đã mua thêm 4,5% cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk ("HADL"), công ty con hiện hữu, với tổng giá mua là 21.471.451 ngàn VNĐ.

Ban Giám đốc đánh giá rằng việc mua thêm quyền sở hữu trong HADL chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với đất trồng cao su sở hữu bởi HADL chứ không phải là mua doanh nghiệp. Vì vậy, số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của HADL (chủ yếu là đất) tại ngày mua là 16.108.950 ngàn VNĐ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ như là một khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của HADL được dùng để đầu tư mua đất trồng cây cao su.

4.3 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Khoáng Sản Gia Lai

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai, công ty con, đã mua thêm 2,75% cổ phần trong Công ty Cổ phần Khoáng Sản Gia Lai ("GLM"), công ty con hiện hữu, từ các cổ đông hiện hữu của GLM với tổng giá mua là 9.000.000 ngàn VNĐ và ghi nhận lợi thế thương mại phát sinh là 5.068.401 ngàn VNĐ.

4.4 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, công ty con, đã mua thêm 80.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa ("THH") từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá mua là 2.000.000 ngàn VNĐ và ghi nhận lợi thế thương mại phát sinh là 1.202.504 ngàn VNĐ.

Tình hình tăng giảm của lợi thế thương mại trong kỳ là do sự tăng thêm của lợi thế thương mại này và chi phí phân bổ là 4.200.452 ngàn VNĐ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

5. TIỀN

	Ngân VNĐ	Ngân VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tiền gửi ngân hàng	3.114.069.391	3.580.756.252
Tiền mặt tại quỹ	9.494.962	7.904.079
Tiền đang chuyển	3.949	3.109
Tổng cộng	3.123.568.302	3.588.663.440

Tập đoàn đã thế chấp 455.100.000 ngàn VNĐ khoản tiền gửi ngân hàng nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 20*).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngân VNĐ	Ngân VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
(đã điều chỉnh lại - <i>Thuyết minh số 40</i>)		
Phải thu tiền bán căn hộ	932.800.201	1.191.503.396
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	380.688.829	268.835.770
Phải thu từ hợp đồng xây dựng	494.705.288	415.568.763
Tổng cộng	1.808.194.318	1.875.907.929

Tập đoàn đã thế chấp 8.051.637 ngàn VNĐ khoản phải thu khách hàng nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 20*).

Trong các khoản phải thu từ hợp đồng xây dựng có khoản phải thu liên quan đến xây dựng dự án Căn hộ Giai Việt với số dư 432.571.717 ngàn VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 349.126.308 ngàn VNĐ).

Trong các khoản phải thu thương mại và dịch vụ có khoản phải thu các công ty có liên quan là 165.212.852 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (*Thuyết minh số 36*).

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VNĐ
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ của Tập đoàn và mua máy móc, thiết bị	842.807.906	936.526.527	
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	334.459.900	119.760.627	
Trả trước mua quyền sử dụng đất và dự án bất động sản	445.787.419	154.538.556	
Trả trước tiền mua cổ phần (*)	<u>405.240.000</u>	<u>38.200.000</u>	
Tổng cộng	2.028.295.225	1.249.025.710	

Trả trước cho nhà cung cấp bao gồm khoản ứng trước cho Công ty TNHH Thương Mai Quốc tế Hongkong Tongging và Công ty Cổ phần Xây lắp Đăksrông lần lượt là 79.679.089 ngàn VNĐ và 161.878.834 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Bao gồm trong tạm ứng cho nhà thầu có các khoản tạm ứng cho các công ty liên quan là 430.395.211 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (*Thuyết minh số 36*).

(*) Trả trước tiền mua cổ phần thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Khoáng Sản Công Nghiệp Toàn Cầu và Công ty Cổ Phần Cao Su Bidiphar mà thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này và thể hiện khoản tạm ứng cho bên thứ ba để mua cổ phiếu.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VNĐ
(đã điều chỉnh lại - <i>Thuyết minh số 40</i>)			
Khoản cho vay các công ty khác (i)	576.902.583	56.343.034	
Phải thu từ bán các khoản đầu tư (ii)	333.012.820	7.000.000	
Phải thu nhân viên (iii)	78.629.566	91.368.218	
Cho vay ngắn hạn nhân viên (iv)	58.772.970	52.552.255	
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	56.369.444	34.485.835	
Các khoản khác	<u>84.997.946</u>	<u>86.543.860</u>	
Tổng cộng	1.188.685.329	328.293.202	

(i) Đây là khoản cho vay không đảm bảo và lãi suất dựa trên lãi suất thị trường được điều chỉnh 6 tháng một lần.

(ii) Phải thu từ bán các khoản đầu tư thể hiện một phần số tiền phải thu liên quan đến việc bán một số cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Phúc (*Thuyết minh số 17.1 và 31.2*).

(iii) Đây là khoản ứng trước cho nhân viên cho mục đích kinh doanh.

(iv) Đây là khoản cho vay tín chấp có thời hạn hoàn trả từ 3 đến 12 tháng tính từ ngày giải ngân và có lãi suất theo lãi suất thị trường và điều chỉnh 6 tháng một lần.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 40)	Ngàn VNĐ
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	3.721.462.739	3.552.565.913	
Thành phẩm	108.860.983	129.504.120	
Hàng hóa	42.766.173	33.855.388	
Hàng mua đang đi trên đường	7.890	369.694	
Sản phẩm dở dang	308.312.657	186.770.256	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Sản xuất</i>	120.191.528	99.674.111	
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	187.688.546	87.096.145	
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	432.583	-	
<i>Nguyên vật liệu</i>	275.157.232	183.479.811	
<i>Vật liệu xây dựng</i>	77.475.771	12.334.340	
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	7.994.579	8.121.856	
Tổng cộng	4.542.038.024	4.107.001.378	

Tất cả các căn hộ đang xây để bán bao gồm cả đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn cũng thế chấp nguyên vật liệu gỗ với giá trị ghi sổ là 47.000.000 ngàn VNĐ để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 20*).

11. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VNĐ
Các khoản tạm ứng cho nhân viên phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh	136.639.208	78.621.252	
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	805.522	161.894	
Tổng cộng	137.444.730	78.783.146	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Cây trồng lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Ngàn VND</i>
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	876.149.876	518.342.871	179.231.647	9.532.510	6.698.345	8.416.133	1.598.371.382
Tăng trong kỳ	195.685.846	208.821.893	39.945.773	1.907.247	-	5.016.459	451.377.218
<i>Mua sắm và xây dựng mới</i>	<i>190.084.652</i>	<i>208.598.236</i>	<i>36.362.993</i>	<i>1.653.468</i>	-	<i>4.983.433</i>	<i>441.682.782</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>5.601.194</i>	<i>223.657</i>	<i>3.582.780</i>	<i>253.779</i>	-	<i>33.026</i>	<i>9.694.436</i>
Giảm trong kỳ	-	(13.874.711)	(3.774.380)	(282.096)	-	(2.700.000)	(20.631.187)
<i>Thanh lý</i>	-	(11.534.419)	(3.316.504)	-	-	(2.700.000)	(17.550.923)
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	-	(2.340.292)	-	-	-	-	(2.340.292)
<i>Bán công ty con</i>	-	-	(457.876)	(282.096)	-	-	(739.972)
Số dư cuối kỳ	1.071.835.722	713.290.053	215.403.040	11.157.661	6.698.345	10.732.592	2.029.117.413
Khấu hao lũy kế							
Số dư đầu kỳ	(53.526.663)	(101.573.920)	(34.187.872)	(3.981.074)	(941.956)	(2.889.399)	(197.100.884)
Tăng trong kỳ	(19.223.403)	(31.511.126)	(11.399.787)	(1.468.433)	(86.717)	(769.595)	(64.459.061)
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>(18.943.753)</i>	<i>(31.341.272)</i>	<i>(11.162.453)</i>	<i>(1.451.787)</i>	<i>(86.717)</i>	<i>(714.475)</i>	<i>(63.700.457)</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>(279.650)</i>	<i>(169.854)</i>	<i>(237.334)</i>	<i>(16.646)</i>	-	<i>(55.120)</i>	<i>(758.604)</i>
Giảm trong kỳ	7.363	1.969.008	482.161	209.860	-	46.500	2.714.892
<i>Thanh lý</i>	-	1.067.874	284.801	-	-	46.500	1.399.175
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	7.363	901.134	-	-	-	-	908.497
<i>Bán công ty con</i>	-	-	197.360	209.860	-	-	407.220
Số dư cuối kỳ	(72.742.703)	(131.116.038)	(45.105.498)	(5.239.647)	(1.028.673)	(3.612.494)	(258.845.053)
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	822.623.213	416.768.951	145.043.775	5.551.436	5.756.389	5.526.734	1.401.270.498
Số dư cuối kỳ	999.093.019	582.174.015	170.297.542	5.918.014	5.669.672	7.120.098	1.770.272.360
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 20 và 27)</i>	999.093.019	582.174.015	-	-	-	-	1.581.267.034

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

13. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	3.270.000	11.626.718	14.896.718
Tăng trong kỳ	2.700.000	3.677.273	6.377.273
Số dư cuối kỳ	5.970.000	15.303.991	21.273.991
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(45.417)	(567.117)	(612.534)
Khấu hao trong kỳ	(362.499)	(1.159.235)	(1.521.734)
Số dư cuối kỳ	(407.916)	(1.726.352)	(2.134.268)
Giá trị thuần			
Số dư đầu kỳ	3.224.583	11.059.601	14.284.184
Số dư cuối kỳ	5.562.084	13.577.639	19.139.723

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	109.401.888	8.396.263	117.798.151
Tăng trong kỳ	5.527.500	214.285	5.741.785
Số dư cuối kỳ	114.929.388	8.610.548	123.539.936
Khấu trừ lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(1.230.334)	(1.207.638)	(2.437.972)
Khấu trừ trong kỳ	(102.096)	(400.735)	(502.831)
Số dư cuối kỳ	(1.332.430)	(1.608.373)	(2.940.803)
Giá trị thuần			
Số dư đầu kỳ	108.171.554	7.188.625	115.360.179
Số dư cuối kỳ	113.596.958	7.002.175	120.599.133
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 20 và 27)</i>	5.527.500	214.285	5.741.785

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Chi phí trồng cây cao su	1.773.318.164	1.174.766.048	
Nhà máy thủy điện	1.113.874.454	710.217.143	
Văn phòng cho thuê	747.734.117	706.604.709	
Nhà xưởng, nhà văn phòng và nông trường	200.950.807	150.942.011	
Thiết bị hạ tầng ngành khoáng sản	124.038.085	104.797.176	
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và phần mềm tin học	38.684.599	-	
Các công trình xây dựng khác	30.441.079	31.542.839	
Tổng cộng	4.029.041.305	2.878.869.926	

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí đi vay là 273.964.607 ngàn VNĐ (kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 103.540.503 ngàn VNĐ). Đây là những chi phí đi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, trang thiết bị mỏ khoáng sản, công trình thủy điện, cao su và cǎn hộ để bán.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

17.1. Đầu tư vào các công ty con

Công ty chuyển nhượng 4,50% quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAH") cho Công ty TNHH một thành viên Vạn Phúc Hưng với tổng giá bán là 450.000.000 ngàn VNĐ và ghi nhận một khoản lãi ròng 356.013.443 ngàn VNĐ (*Thuyết minh số 31.2*). Việc bán này làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HAH từ 88,21% xuống còn 83,71% vào ngày 30 tháng 6 năm 2011. Tổng số tiền đã nhận từ việc chuyển nhượng này trong kỳ là 366.987.180 ngàn VNĐ.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con, chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Hoàng Phúc ("HP") cho cổ đông hiện hữu của HP với tổng giá bán 450.000.000 ngàn VNĐ và ghi nhận một khoản lợi nhuận ròng 410.898.462 ngàn VNĐ (*Thuyết minh số 31.2*). Tổng số tiền đã nhận từ việc chuyển nhượng này trong kỳ là 200.000.000 ngàn VNĐ.

Trong quá trình tái cấu trúc Tập đoàn, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại Đại Lâm đã được sáp nhập vào công ty mẹ trực tiếp của mình là Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Anh Đăk Lăk, một công ty con của Tập đoàn vào tháng 1 năm 2011 theo hợp đồng số 01/HĐSN ngày 28 tháng 12 năm 2010 theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

17.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bất động sản				
(1) Công ty cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	04/06/2007	83,71
(2) Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	15/01/2007	78,69
(3) Công ty cổ phần Đầu tư Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Nguyên	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	29/03/2007	74,50
(4) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/06/2007	59,60
(5) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	24/10/2007	(i) 42,69
(6) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	04/10/2008	83,36
(7) Công ty TNHH Minh Thành	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	28/11/2008	(i) 41,41
(8) Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh – Incomex	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	2007	66,97
(9) Công ty TNHH An Tiến	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	10/01/2008	73,46
(10) Công ty TNHH MTV Hoàng Thơ	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	20/12/2011	83,71
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai – Bangkok	Bangkok, Thái Lan	Trước hoạt động	2009	(i) 39,34
(12) Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Nam	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	02/04/2010	83,63
(13) Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	9/2010	83,64
(14) Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	30/05/2007	(i) 42,69
(15) Công ty Cổ phần Dịch vụ Hoàng Anh Viễn Đông	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	03/10/2009	60,94
Thủy điện				
(16) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/06/2007	99,35
(17) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Trước hoạt động	18/10/2007	77,49
(18) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Đăk Bla	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Trước hoạt động	30/05/2007	65,20
(19) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	20/06/2010	94,38
(20) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Trước hoạt động	06/2009	50,67

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

17.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
Trồng cao su				
(21) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/05/2010	99,00
(22) Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	09/09/2008	98,76
(23) Công ty Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	22/05/2008	99,00
(24) Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh – Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	64,01
(25) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk	Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	81,26
(26) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	17/02/2011	99,00
(27) Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	64,01
(28) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/07/2010	99,00
(29) Công ty TNHH Heng Brothers	Phnom Penh, Campuchia	Trước hoạt động	25/01/2010	99,00
(30) Công ty TNHH CRD	Phnom Penh, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	99,00
(31) Công ty Cổ phần Tân Đại Thắng Đăk Lăk	Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Trước hoạt động	27/11/2010	69,07
(32) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	66,60
(33) Công ty Cổ Phàn mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/01/2011	55,00
(34) Công ty TNHH Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	99,00
Khai khoáng				
(35) Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	08/12/2007	83,70
(36) Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Trước hoạt động	23/02/2008	71,15
(37) Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/04/2007	66,93
(38) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Thanh Hóa	Thanh Hóa, Việt Nam	Trước hoạt động	15/03/2010	50,22
(39) Công Ty TNHH MTV Chế biến khoáng sản KBang	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	28/07/2010	66,93
(40) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	09/02/2010	83,70
(41) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	15/10/2009	83,70
(42) Công ty TNHH MTV Morai	Tỉnh KonTum,	Trước	2011	83,70

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày
 Việt Nam hoạt động

B09a-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

17.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
Sản xuất				
(43) Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	28/09/2009	94,07
(44) Công ty TNHH Một thành viên Nguyên Vật Liệu Gỗ	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/03/2010	94,07
Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(45) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/01/2009	63,34
(46) Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	06/07/2007	51,85
(47) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	07/05/2008 (i)	46,20
(48) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/01/2009	80,00
(49) Công ty TNHH V&H Corporation	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	27/03/2009	100,00
(50) Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	22/12/2009	55,12
(51) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/05/2010	54,45

(i) Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát các công ty này.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động thương mại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

17.2. Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2011		Ngày 31 tháng 12 năm 2010	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VNĐ
Công ty cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	42,04	15.573.259	42,04	15.573.259
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	7.882.160	25,00	7.882.160
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.475.610	25,00	7.475.610
Tổng cộng			<u>30.931.029</u>		<u>30.931.029</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí đất đai để phát triển các dự án (i)	2.042.668.610	1.975.214.497	
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") để phát triển các dự án bất động sản (ii)	1.199.857.250	539.857.250	
Khoản cho vay Chính phủ Lào (iii)	293.112.585	280.819.684	
Đầu tư vào công ty khác	25.326.902	25.326.902	
Trái phiếu chính phủ	20.000	20.000	
Các khoản đầu tư khác	3.323.250	3.323.250	
Tổng cộng	3.564.308.597	2.824.561.583	

(i) Thay đổi của chi phí đất đai để phát triển các dự án trong kỳ như sau:

	Ngàn VNĐ
Số dư đầu kỳ	1.975.214.497
<i>Tăng lên do:</i>	
Chi phí bồi thường	53.142.960
Vốn hóa lãi vay	8.642.473
Mua công ty con (Thuyết minh số 4.1)	5.668.680
Số dư cuối kỳ	2.042.668.610

(ii) Thay đổi của các khoản đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh trong kỳ như sau:

Số dư đầu kỳ	539.857.250
Đầu tư thêm vào BCC với Công ty TNHH Một thành viên Đại Lộc Hưng Thịnh	360.000.000
BCC vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vạn Phúc	300.000.000
Số dư cuối kỳ	1.199.857.250

Số dư cuối kỳ vào các khoản đầu tư vào BCC bao gồm:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con, và Công ty TNHH Một thành viên Đại Lộc Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc và Dịch vụ Thương mại Du lịch Tân Hải để phát triển dự án căn hộ trên khu đất 147.941 mét vuông ở Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn được hưởng 30% lợi ích từ dự án theo hợp đồng hợp tác kinh doanh. Tập đoàn đã đầu tư thêm 360.000.000 ngàn VNĐ với số tiền đầu tư tổng cộng là 710.000.000 ngàn VNĐ đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Thuận để phát triển dự án căn hộ trên khu đất 28.127 mét vuông ở Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn đã đầu tư tổng cộng là 189.857.250 ngàn VNĐ và được hưởng 45% lợi ích từ dự án theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh và Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vạn Phúc để phát triển dự án căn hộ trên khu đất 339.301 mét vuông ở Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty được hưởng 40% lợi ích từ dự án và khoản đóng góp trong kỳ là 300.000.000 ngàn VNĐ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

(iii) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả bằng gỗ hoặc quota gỗ.

	<i>Đô la Mỹ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Số dư đầu kỳ Nhận gỗ trong kỳ	14.833.070,13 (616.725,95)	14.833.070,13 -
Số dư cuối kỳ	14.216.344,18	14.833.070,13
Số dư cuối kỳ (ngàn VNĐ)	293.112.585	280.819.684

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (đã điều chỉnh lại -Thuyết minh số 40)</i>
Chi phí phát hành cổ phiếu	153.826.903	19.843.214
Chi phí bán căn hộ	119.878.207	102.183.898
Chi phí đường truyền dẫn điện	26.543.773	-
Chi phí thuê văn phòng	23.612.684	23.954.897
Chi phí nhà mẫu	2.852.598	-
Chi phí khác	43.780.359	52.126.333
Số dư cuối kỳ	370.494.524	198.108.342

20. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh 27.2</i>)	-	1.100.000.000
Các khoản vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	1.531.993.991	1.320.027.984
Vay các tổ chức và cá nhân khác	28.000.000	-
	1.559.993.991	1.320.027.984
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 27</i>)	616.781.638	672.713.351
Tổng cộng	2.176.775.629	3.092.741.335

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

20. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN (tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VNĐ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	675.116.480	553.139.155	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)	487.762.980	276.826.128	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	195.664.820	68.290.092	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	62.994.107	362.226.380	
Ngân hàng Phương Đông (OCB)	50.000.000	-	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	25.567.390	25.567.390	
Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank)	24.484.167	4.496.511	
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	10.404.047	1.780.758	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	-	27.701.570	
Tổng cộng	1.531.993.991	1.320.027.984	

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu, quyền sử đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Tập đoàn.

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2011	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 7, 10, 12 và 14)
Ngàn VNĐ				
<i>Vietcombank, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 98/09/NHNT, 05/06/2009	243.165.654	Thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân	Thả nổi	Tài sản, máy móc thiết bị
Hợp đồng vay số 64/11/NHNT, 14/03/2010	187.427.776	Thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Theo từng lần giải ngân	Tín chấp
Hợp đồng vay số 163/09/NHNT, 12/11/2009	127.882.766	Thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân	0,825% /tháng	Tín chấp
Hợp đồng vay số 88/10/NHNT, 31/08/2010	58.800.710	Thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Biến động từ 0,66% đến 0,88% /tháng	Máy móc thiết bị của nhà máy đá Granite
Hợp đồng vay số 65/11/NHNT, 07/03/2011	10.853.990	Thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân	Theo từng lần giải ngân	Tín chấp
Hợp đồng vay số 216/10/NHNT, 10/11/2010	6.951.500	Thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Theo từng lần giải ngân, biến động từ 13,2% đến 16,2%/năm	Tín chấp

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2011	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 7, 10, 12 và 14)
<i>Ngàn VNĐ</i>				
<i>Vietcombank, chi nhánh Quy Nhơn</i>				
Hợp đồng vay số 502/HDTD, 03/08/2010	39.814.634	Thanh toán trong vòng 7 tháng kể từ ngày giải ngân	16,20% /năm	Nhà cửa và máy móc
Hợp đồng vay số 424/HDTD, 16/06/2010	219.450	Thanh toán trong vòng 7 tháng kể từ ngày giải ngân	7,30%/năm	Tín chấp
Tổng cộng Vietcombank	675.116.480			
<i>Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng vay số LD 1002900, 29/1/2010	315.600.000	Thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân	Thả nỗi	Quyền sử dụng 35.000 m ² đất Phường Bình Hiên, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
<i>Sacombank, Hồ Chí Minh</i>				
Hợp đồng vay số LD 1113800024, 18/5/2011	99.999.980	Thanh toán trong vòng 12 tháng	Theo từng lần giải ngân	Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh
<i>Sacombank, Campuchia</i>				
Hợp đồng vay số LD1115000544 – US\$, 30/5/2011	72.163.000	Thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân	8,00% /năm	Sổ tiết kiệm 72,1 tỷ VNĐ
Tổng cộng Sacombank	487.762.980			
<i>BIDC, chi nhánh Phnômpênh</i>				
Hợp đồng vay số 10/2011/HA.R-BIDC, 16/3/ 2011	195.664.820	Thanh toán trong vòng 6 tháng	8,00%/năm	Tiền gửi tiết kiệm của Tập đoàn (230 tỷ VNĐ)
<i>BIDV, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 04/2010/HDTG, 31/07/2010	59.991.328	Thanh toán trong vòng 9 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thả nỗi	Văn phòng HAGL và Khách sạn HAGL Pleiku
<i>BIDV, Trung tâm Giao dịch II</i>				
Hợp đồng vay số 635/2009/HD, 17/12/2009	3.002.779	Thanh toán trong vòng 11 tháng kể từ ngày giải ngân	1.00% /tháng	Quyền sử dụng đất và nhà máy
Tổng cộng BIDV	62.994.107			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

20. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 7, 10, 12 và 14)
OCB, Chi nhánh Hồ Chí Minh	30 tháng 6 năm 2011 Ngàn VNĐ	Thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân	17%/năm cho tháng đầu tiên, lãi suất tiền gửi ngắn hạn +/- 3%/năm cho các tháng tiếp theo	Tiền gửi tiết kiệm của Tập đoàn (53 tỷ VNĐ)
Agribank, Chi nhánh 4, Tp. Hồ Chí Minh	Hợp đồng vay số 0127/TDT/11LD, 10/05/2011 25.567.390	Thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân	1,00% /tháng	Nhà số 303 đường Phan Đình Phùng, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Vietinbank, chi nhánh Gia Lai	Hợp đồng vay số 328/HDTD, 6/12/2010 4.496.512	Thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân	16,20% /năm	Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất, tổng giá trị 6.698.000 ngàn VNĐ
Hợp đồng vay số 188/HDTD, 10 /6/2011 19.987.655	Thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thả nổi (+/-) 6,5%/năm	Nông trường cao su 30,5 ha và các tài sản khác ở Hòn Rồng, Labang, Gia Lai với tổng giá trị tài sản là 28.980.000 ngàn VNĐ	
Tổng cộng Vietinbank MB, chi nhánh Hồ Chí Minh	24.484.167 10.404.047	Thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Biên động từ 7% đến 7,5%/năm	Quyền khai thác hợp đồng thuê đất số 17A/HDTD và tài sản hình thành trên đất tại lô E1, đường A, KCN Bình Chiểu Dây chuyền sơn ván sàn theo biên bản bàn giao Công ty Cổ phần Gỗ HAGL Hàng tồn kho luân chuyển tại kho Thủ Đức và kho hàng ở Bình Dương Khoản phải thu từ DIM Furniture PTY.Ltd, Peak Import và các công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VNĐ
Phải trả mua quyền sử dụng đất	320.000.000	320.000.000	
Phải trả nhà thầu xây dựng	243.472.472	211.020.680	
Phải trả cho phát triển vườn cây	56.021.267	18.508.316	
Phải trả cho máy móc thiết bị	51.223.400	20.778.705	
Phải trả hàng hóa và dịch vụ	35.137.772	96.989.111	
Tổng cộng	705.854.911	667.296.812	

Bao gồm trong khoản phải trả người bán là khoản phải trả cho các bên liên quan 65.545.390 ngàn VNĐ vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 (*Thuyết minh số 36*).

Phải trả mua quyền sử dụng đất thể hiện khoản phải trả cho Công ty Tư vấn và Đầu tư xây dựng Thanh Bình về việc mua dự án khu căn hộ Thanh Bình-Kênh Tẻ với tổng giá trị là 640.000.000 ngàn VNĐ.

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VNĐ
(đã điều chỉnh lại - <i>Thuyết minh số 40</i>)			
Tiền thanh toán của khách hàng mua căn hộ	2.450.487.184	2.262.366.379	
Khách hàng thương mại trả tiền trước	42.321.816	3.519.158	
Doanh thu chưa thực hiện	14.398.192	-	
Tổng cộng	2.507.207.192	2.265.885.537	

Bao gồm trong khoản người mua trả tiền trước là ứng trước của các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 8.088.209 ngàn VNĐ (*Thuyết minh số 36*).

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VNĐ
(đã điều chỉnh lại - <i>Thuyết minh số 40</i>)			
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 35</i>)	507.906.105	259.682.893	
Thuế giá trị gia tăng	97.487.601	122.294.798	
Thuế thu nhập cá nhân	1.594.107	1.553.371	
Thuế nhập khẩu	53.756	-	
Các khoản khác	4.966.473	1.232.597	
Tổng cộng	612.008.042	384.763.659	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VND (đã điều chỉnh lại -Thuyết minh số 40)
Chi phí lãi vay	265.285.034	100.829.304	
Chi phí thầu phụ	56.151.614	10.796.118	
Chi phí để xây dựng hoàn thành căn hộ	24.953.622	26.142.805	
Chi phí bảo hành và chi phí bảo trì	33.361.548	29.518.932	
Chi phí hoạt động	10.148.894	33.953.807	
Các khoản khác	<u>32.360.221</u>	<u>22.658.434</u>	
Tổng cộng	<u>422.260.933</u>	<u>223.899.400</u>	

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VND
Phải trả nhân viên	47.107.644	104.406.649	
Phải trả tiền mua đất	25.500.000	18.259.456	
Phải trả cỗ tức	24.013.240	24.013.240	
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 36</i>)	23.627.273	-	
Phải trả các công ty khác	32.418.206	50.114.167	
Phí tư vấn phát hành Chứng chỉ lưu ký toàn cầu	-	68.400.000	
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	1.217.760	
Các khoản khác	<u>71.581.810</u>	<u>38.386.440</u>	
Tổng cộng	<u>224.248.173</u>	<u>304.797.712</u>	

26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VND
Nhận ứng trước tiền bán giảm phát thải "CER"	19.757.878	19.757.878	
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	3.834.038	3.902.473	
Phải trả dài hạn khác	<u>58.500</u>	<u>58.500</u>	
Tổng cộng	<u>23.650.416</u>	<u>23.718.851</u>	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VNĐ
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh số 27.4</i>)	2.554.204.204	2.107.620.384	
Trái phiếu Quốc tế (<i>Thuyết minh số 27.1</i>)	1.785.582.299	-	
Trái phiếu thường (<i>Thuyết minh số 27.3</i>)	1.630.000.000	1.330.000.000	
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh số 27.2</i>)	1.100.000.000	-	
Thuê tài chính	14.333.647	11.567.600	
Vay cá nhân	6.613.070	5.585.017	
Tổng cộng	7.090.733.220	3.454.773.001	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20</i>)</i>	616.781.638	672.713.351	
<i>Nợ dài hạn</i>	6.473.951.582	2.782.059.650	

27.1 Trái phiếu quốc tế

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng số nợ gốc là 90 triệu Đô la Mỹ theo mệnh giá là 100.000 Đô la Mỹ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá lần lượt là 18 triệu Đô la Mỹ vào ngày 20 tháng 5 năm 2014, 18 triệu Đô la Mỹ tiếp theo vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 và hoàn trả phần còn lại vào ngày 20 tháng 5 năm 2016. Đây là trái phiếu chiết khấu với giá 96,181% và chịu lãi suất 9,875%/năm và tiền lãi trái phiếu được thanh toán vào các ngày 20 tháng 5 và ngày 20 tháng 11 hàng năm. Tiền thu được từ các trái phiếu này được sử dụng đầu tư vào các dự án thủy điện, trồng cao su và phục vụ hoạt động của Tập đoàn. Các trái phiếu này được thế chấp bằng vốn cổ phần của các bên bảo lãnh gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai và Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung do Công ty nắm giữ.

27.2 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd, một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ với mệnh giá là 1 triệu VNĐ/don vị. Trái phiếu có kỳ hạn là 1 năm và sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VNĐ/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm thời hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi 4 ngân hàng trong nước (Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định tại ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được trả khi đáo hạn).

Ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty và Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd đã ký kết Bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

Ngày Đến Hạn: Ngày đến hạn ban đầu là ngày 31 tháng 8 năm 2011 được điều chỉnh thành ngày 31 tháng 8 năm 2013 với quyền gia hạn thêm 1 hoặc 2 năm theo sự lựa chọn của chủ sở hữu Trái Phiếu với cùng điều khoản và điều kiện.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

27.2 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

- Giá Chuyển Đổi: 44.917 VNĐ/một cổ phần (là giá chuyển đổi ban đầu (67.375 VNĐ/một cổ phần) được điều chỉnh xuống tương ứng với đợt phát hành cổ phiếu thường (ngày 21/01/2011) với tỷ lệ 2:1) và phụ thuộc vào Điều Khoản Chống Pha Loãng.
- Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng 3% một năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi Suất Tiền Gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 3 năm 2013 cho đến Ngày Đến Hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thường, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.

27.3 Trái phiếu thường

Trái phiếu thường bao gồm các khoản trái phiếu trị giá 350 tỷ VNĐ và 530 tỷ VNĐ được phát hành bởi Công ty và trái phiếu trị giá 750 tỷ VNĐ được phát hành bởi công ty con như sau:

- (i) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2008, Công ty đã phát hành đợt trái phiếu thường trị giá 100 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 30 tháng 9 năm 2011. Trái phiếu này chịu lãi suất 21,00%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên trả vào ngày 30 tháng 3 năm 2009 và chịu lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán hàng năm vào các ngày 31 tháng 3 và ngày 30 tháng 9. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để tài trợ cho các dự án đang triển khai của Tập đoàn thuộc ngành bất động sản, thủy điện và trồng cao su.

Trong tháng 12 năm 2008, Công ty đã phát hành một đợt trái phiếu khác trị giá là 250 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trái phiếu này chịu lãi suất 12,75%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán 2 kỳ mỗi năm vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để cung cấp vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án đang triển khai của Tập đoàn thuộc ngành bất động sản, thủy điện và trồng cao su.

Tất cả các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của dự án Hoàng Anh River View và dự án Kênh Tẻ của một công ty con của Công ty, và các căn hộ đang xây dựng của dự án Hoàng Anh River View với tổng giá trị thế chấp là khoảng 1.821.783.170 ngàn VNĐ.

- (ii) Ngày 8 tháng 10 năm 2010, Công ty đã phát hành một đợt trái phiếu thường trị giá 530 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 8 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu này chịu lãi suất 15,2%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi tương đương lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng địa phương cộng 4,2%/năm cho những kỳ sau. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để cung cấp vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án bất động sản đang triển khai của các công ty con. Tất cả các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 30 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với tổng giá trị thế chấp là 2.267 tỷ VNĐ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

27.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

(iii) Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh ("PHA"), công ty con, phát hành trái phiếu thường với tổng trị giá 450 tỷ VNĐ cho Ngân hàng Cổ phần Thương mại Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank"), Ngân hàng Cổ phần Thương mại Sài Gòn Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương trong năm 2009. Trái phiếu này được đảm bảo bằng quyền sử dụng 37.624 mét vuông đất của Lô 9, đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và các tài sản xây dựng trên lô đất này. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để cung cấp vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án bất động sản đang triển khai của PHA. Chi tiết của những khoản trái phiếu này như sau:

- ▶ 200 tỷ VNĐ trái phiếu có mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 22 tháng 5 năm 2012. Trái phiếu chịu lãi suất 11%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi tương đương lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng của Ngân Hàng Cổ phần Thương mại Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh cộng 3,5%/năm. Tiền lãi sẽ được thanh toán hai kỳ mỗi năm.
- ▶ 250 tỷ VNĐ trái phiếu thường có mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 hoặc tại thời điểm mua lại của PHA. PHA có quyền mua lại những trái phiếu này trước ngày đáo hạn sau 2 năm kể từ ngày phát hành. Những trái phiếu này chịu lãi suất 12%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi là lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng của HDBank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế cộng 3,5%/năm nhưng không thấp hơn 12%/năm. Tiền lãi sẽ được thanh toán hai kỳ mỗi năm.

Ngày 7 tháng 1 năm 2011, ngày 10 tháng 2 năm 2011 và ngày 14 tháng 3 năm 2011, PHA phát hành 3 đợt trái phiếu thường có cùng mệnh giá là 100 tỷ VNĐ với mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPbank") và sẽ được hoàn trả lần lượt theo mệnh giá vào ngày 7 tháng 1 năm 2014, ngày 10 tháng 2 năm 2014, ngày 14 tháng 3 năm 2014. Trái phiếu phát hành vào ngày 7 tháng 1 năm 2011, ngày 10 tháng 2 năm 2011, và ngày 14 tháng 3 năm 2011 chịu lãi suất lần lượt là 21,00%, 21,00% và 22,00% mỗi năm cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên và sẽ điều chỉnh hàng tháng sau đó theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng (trả lãi vào ngày đến hạn) của ngân hàng VP cộng (+) biên độ lần lượt là 5,00%, 5,00% và 7,00% mỗi năm. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng cho dự án căn hộ Phú Hoàng Anh. Trái phiếu phát hành được bảo đảm bằng quyền sử dụng lô đất 402 và 404 với tổng diện tích 30.567,4 m² trên đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, các tài sản trên đất và các lợi ích và lợi nhuận phát sinh từ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Phần trái phiếu phát hành bởi ngân hàng VPbank có giá trị 350 tỷ VNĐ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

27.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	<i>Ngân VNĐ</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.440.501.215	1.134.037.451	
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	490.612.406	488.690.560	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	458.899.583	336.752.373	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank")	98.000.000	98.000.000	
Ngân hàng Á Châu ("ACB")	40.191.000	20.640.000	
Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Vietinbank")	26.000.000	29.500.000	
Tổng cộng	2.554.204.204	2.107.620.384	

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án xây dựng và phát triển thủy điện, trồng cây cao su, xây dựng căn hộ, khách sạn, khu nghỉ dưỡng và mua sắm máy móc thiết bị của Tập đoàn.

Những khoản vay trên chịu lãi suất thả nổi, kỳ hạn thông thường từ 36 tháng đến 72 tháng và được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất, căn hộ, nhà máy và văn phòng, máy móc thiết bị, cổ phiếu của công ty con, và hàng tồn kho.

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2011	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12 và 14)
<i>Ngân VNĐ</i>				
<i>BIDV, chi nhánh Đăk Lăk</i>				
Hợp đồng vay số 01/2008/HĐTD, 12/08/2008	75.723.227	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kì hạn 12 tháng + 3%/năm	Quyền sử dụng đất 8.900m ² tại 33 Nguyễn Công Trứ, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đăk Lăk
Hợp đồng vay số 01/2009/HĐTD, 06/08/2009 (TK 63182000158703)	10.043.814	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi kì hạn 12 tháng + 4% /năm	Toàn bộ tài sản từ Đăk Psi 2B
Hợp đồng vay số 01/2007/HĐTD, 08/08 /2007 (TK 63182000093530)	2.996.212	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng với 4,00%/năm	Toàn bộ tài sản nhà máy bê tông- giai đoạn 1
Hợp đồng vay số 01/2009/HĐTD 20/01/ /2009 (TK 63182000136338)	3.435.000	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng với 4,50%/năm	Trạm trộn bê tông thương phẩm

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

27.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2011	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12 và 14)
<i>Ngàn VNĐ</i>				
<i>BIDV, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 01/2004/HD, 25/08/2004	14.402.073	Hoàn trả trong vòng 108 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm thời gian ân hạn 24 tháng và thời gian trả nợ 84 tháng	1,09% /tháng	Toàn bộ tài sản của khách sạn HAGL
Hợp đồng vay số 01/2008/HD, 05/09/2008	20.445.501	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bao gồm thời gian ân hạn 18 tháng và thời gian trả nợ 42 tháng	1,06% /tháng	Tòa nhà hội sở chính HAGL tại Gia Lai
Hợp đồng vay số 01/2009/HDTD-DH, 28/10/2009	49.476.958	Hoàn trả trong vòng 12 năm	10,50% /năm	Dự án trồng 2.200 ha cao su tại huyện Mang Yang, Gia Lai
Hợp đồng vay số 01/2009/HDTD-DH, 27/11/2009	32.523.000	Hoàn trả trong vòng 11 năm	10,50% /năm	Dự án trồng 4.800 ha cao su tại huyện Chư Sê và Ia Pa, Gia Lai
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, 01/04/2010	465.453.968	Hoàn trả vào ngày 21/12/2020	Lãi suất tham chiếu + 4,70%/năm	Vốn đầu tư vào Hoàng Anh Attapeu; tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty; cổ phiếu Công ty đang nắm giữ bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các tài sản khác trong hợp đồng thế chấp

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

27.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2011	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12 và 14)
<i>Ngân VNĐ</i>				
<i>BIDV, chi nhánh Bình Định</i>				
Hợp đồng vay số 01/2005/HD, 14/07/2005	13.881.751	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thả nổi	Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản liên quan đến đất của dự án căn hộ Đầm sinh thái Quy Nhơn
<i>BIDV, chi nhánh Thanh Hóa</i>				
Hợp đồng vay số 01/2010/BT2-HĐTD, 10/01/2010	461.264.711	Hoàn trả trong vòng 144 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất gửi tiết kiệm 12 tháng + 3,5%/năm	Tất cả tài sản của công trình thủy điện Bá Thước II
<i>BIDV, chi nhánh Gia Định</i>				
Hợp đồng tín dụng số 135/2007/0000294, 09/04/2007	290.855.000	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Lãi suất gửi tiết kiệm + 4%/năm	Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất của dự án New Sài Gòn
Tổng cộng BIDV	1.440.501.215			
<i>Vietcombank, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng số 140/05/NHNT, 18/05/2005	62.897.812	120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Lãi suất xác định cho từng lần rút vốn vay	Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất của dự án Đà Nẵng Plaza
Hợp đồng tín dụng số 125/10/NHNT, 25/02/2010	4.800.000	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	14,5%/năm và thay đổi theo lãi suất của VCB	Máy móc thiết bị
Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HAGLH- HĐTD, 20/03/2009	231.000.000	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, 26 tháng 3 năm 2009, ân hạn 2 năm đầu	Lãi suất tham chiếu + 3%/năm (Lãi suất hỗ trợ: 4%/năm)	Toàn bộ tài sản từ dự án Đăk Srông 2
Hợp đồng tín dụng số 02/2009/HAGLH- HĐTD, 05/08/2009	182.184.318	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 20/08/09, ân hạn 2 năm đầu	Lãi suất tham chiếu + 3,4%/năm (Lãi suất hỗ trợ: 4%/năm)	Toàn bộ tài sản của dự án Đăk Srông 2A

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

27.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2011	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12 và 14)
<i>Ngân VNĐ</i>				
<i>Vietcombank, chi nhánh Phú Tài</i>				
Hợp đồng tín dụng số 192/NHNT, ngày 23 tháng 6 năm 2008	560.000	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	10,50% /năm	Giá trị quyền sử dụng đất của lô B3,B8a, B8b, B9, A26
Hợp đồng tín dụng số 283/NHNT, ngày 16 tháng 9 năm 2008	2.564.104	Hoàn trả trong vòng 50 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	10,50%/năm	Nhà xưởng hình thành trên đất và máy móc thiết bị liên quan đến dự án
Hợp đồng tín dụng số 141/NHTD, ngày 20 tháng 3 năm 2009	3.424.991	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	10,50%/năm	Nhà xưởng hình thành trên đất và máy móc thiết bị liên quan đến dự án
Hợp đồng tín dụng số 374/NHTD, ngày 29 tháng 6 năm 2009	611.065	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	12,00%/năm	Nhà xưởng hình thành trên đất và máy móc thiết bị liên quan đến dự án
Hợp đồng tín dụng số 366/NHTD, ngày 21 tháng 4 năm 2010	2.570.116	Hoàn trả trong vòng 66 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	14,50%/năm	Nhà xưởng hình thành trên đất và máy móc thiết bị liên quan đến dự án
Tổng cộng Vietcombank	490.612.406			
<i>Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng tín dụng số 10270, 28/05/2009	199.994.298	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875% /tháng trong 6 tháng đầu, sau đó, lãi suất là lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng, được điều chỉnh 2 lần mỗi năm	Đất tại phường Bình Hiên, Bình Thuận, Hải Châu, Đà Nẵng; đất tại Bầu Thạc Gián, phường Thạc Gián, Đà Nẵng; đất tại phường Hào Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số 7683, 06/08/2007	35.156.250	Hoàn trả trong vòng 120 tháng, được thanh toán hàng quý làm 32 lần, lần đầu vào 12/2009	1,1%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó, lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 0,45%/tháng, điều chỉnh 2 lần mỗi năm	Đất tại đường Nguyễn Văn Linh, Phường Hải Châu, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số LD 0931400065, 10/11/2009	45.000.000	Hoàn trả trong vòng 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875%/tháng	Mảnh đất số 2, dự án Phần Lăng, Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

27. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

27.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2011	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12 và 14)
<i>Sacombank, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng số 6100002968, 8/06/09; 6100002992, 11/06/09; 6100003016, 17/06/09; 6100003040, 25/06/09; 6100003115, 30/06/09	9.271.472	Hoàn trả trong vòng 36 tháng, lần thanh toán đầu tiên vào 27/09/09	0,865%/tháng	Toàn bộ xe trong hợp đồng số 108/2009/CN-GL, 104/2009/CN- GL,100/2009/CN- GL,98/2009/CN- GL,95/2009/CN- GL
Hợp đồng tín dụng số LD1026300132, 20/09/2010	2.100.010	Hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1,30%/tháng	Máy Komatsu
Hợp đồng tín dụng số LD1024200255, 30/08/2010	167.377.553	Hoàn trả trong vòng 103 tháng từ 30/08/2010 đến 09/04/2019	1,30%/ tháng đầu tiên, sau đó lãi suất dựa trên những lần giải ngân sau	Dự án Đăk Srông 3B
Tổng cộng Sacombank	458.899.583			
<i>Agribank, chi nhánh 9, TP. HCM</i>				
Hợp đồng tín dụng số 01307033/HĐTD, 18/10/2007	98.000.000	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày hợp đồng	1,2%/tháng	Toàn bộ tài sản của công trình Phước Long B tương đương 117 tỷ VNĐ
<i>ACB, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng số GILDN05281010, 28/10/2010	40.191.000	Đáo hạn trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất tiền gửi Ngân hàng ACB ki hạn 13 tháng + 3,8%/năm + lãi suất cộng thêm nếu Ngân hàng nhà nước thay đổi tỉ lệ dự trữ bắt buộc	Dự án 4.383 ha cao su tại huyện EaH'leo và xã Ja Loi, huyện Easuop, Đăk Lăk
<i>Vietinbank, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng số 15/HĐTD, 05/02/2005	26.000.000	96 tháng, thanh toán làm 32 lần, hàng quý, lần thanh toán đầu tiên vào 25/03/2007	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 3% / năm và điều chỉnh 2 lần mỗi năm (vào ngày 1 tháng 2 và 1 tháng 8 hàng năm)	Toàn bộ tài sản của resort Hoàng Anh Đà Lạt được tài trợ bởi khoản vay này

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

28.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất công ty con	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)	Tổng cộng
Số đầu kỳ ngày 1 tháng 1 năm 2010	2.704.654.580	1.223.971.061	(399.237.919)	(30.091.699)	20.463.787	8.622.737	82.528.069	1.084.004.248	4.694.914.864
Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu	220.552.390	1.214.447.610	-	-	-	-	-	-	1.435.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	394.090.517	394.090.517
Thu lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(4.278.243)	(4.278.243)
Hoàn nhập khoản thặng dư vốn cổ phần đã ghi nhận trước đây liên quan đến lợi nhuận phát sinh trước khi mua công ty con	-	(54.068.925)	-	-	-	-	-	-	(54.068.925)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(3.683.592)	-	-	-	(3.683.592)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	72.805.108	(72.805.108)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(67.789.860)	(67.789.860)
Phụ trội hợp nhất công ty con	-	-	(411.826)	-	-	-	-	-	(411.826)
Số dư cuối kỳ ngày 30 tháng 6 năm 2010	2.925.206.970	2.384.349.746	(399.649.745)	(30.091.699)	16.780.195	8.622.737	155.333.177	1.333.221.554	6.393.772.935

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất công ty con	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)	Ngàn VNĐ
Số đầu kỳ ngày 1 tháng 1 năm 2011	3.115.206.970	3.504.012.140	(363.632.578)	59.665.483	8.622.737	210.865.390	1.657.427.614	8.192.167.756
Phát hành cổ phiếu thường	1.557.598.930	(623.039.572)	-	-	-	-	(934.559.358)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	610.899.236	610.899.236
Bán một số cổ phần trong HAH	-	-	567.000	-	-	-	-	567.000
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(5.371.499)	(5.371.499)
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	73.827.915	-	-	8.963.989	82.791.904
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	9.388.296	(9.388.296)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(17.964.625)	(17.964.625)
Số dư cuối kỳ ngày 30 tháng 6 năm 2011	4.672.805.900	2.880.972.568	(363.065.578)	133.493.398	8.622.737	220.253.686	1.310.007.061	8.863.089.772

Vào ngày 26 tháng 1 năm 2011, Công ty phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 (một cổ phiếu thường cho hai cổ phiếu hiện hữu), theo đó 60% nguồn vốn phát hành cổ phiếu thường được lấy từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2009 và 40% được lấy từ thặng vốn cổ phần. Đợt phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 1808/10/NQCD-HAGL ngày 18 tháng 8 năm 2010 (lấy ý kiến bằng văn bản). Theo đó, Tập đoàn ghi nhận tăng vốn cổ phần là 1.557.598.930 ngàn VNĐ và ghi giảm thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối lần lượt là 623.039.572 ngàn VNĐ và 934.559.358 ngàn VNĐ. Ngày 28 tháng 1 năm 2011, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 18 phát hành bởi Sở Kế Hoạch Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên 4.672.805.900 ngàn VNĐ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	467.280.590	311.520.697
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	467.280.590	311.520.697
Cổ phiếu thường	467.280.590	311.520.697
Cổ phiếu đang lưu hành	467.280.590	311.520.697
Cổ phiếu thường	467.280.590	311.520.697

29. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Ngàn VNĐ
Số dư đầu kỳ (<i>Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40</i>)	589.115.934
Lợi nhuận trong kỳ chia cho cổ đông thiểu số	70.531.245
Bán công ty con	(11.074.855)
Cổ đông thiểu số mua lại cổ phiếu công ty con	93.419.557
Cổ đông thiểu số bán lại cổ phiếu công ty con	(15.480.592)
Góp vốn trong kỳ	5.515.206
Chi cổ tức	(1.807.498)
Số dư cuối kỳ	730.218.997

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VNĐ)	610.899.236	394.090.517
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	311.520.697	275.344.449
Số cổ phiếu thường bình quân phát hành	155.759.893	137.672.225
Tổng số cổ phiếu bình quân đã được điều chỉnh	467.280.590	413.016.674
Lãi trên mỗi cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	1.307	954

Tổng số cổ phiếu bình quân trong kỳ trước được điều chỉnh hồi tố do việc phát hành cổ phiếu thường trong tháng 1 năm 2011.

Theo trình bày tại Thuyết minh số 27.2 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành 1.100 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 1 triệu VNĐ một trái phiếu. Các trái phiếu này có thể có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai nhưng chưa được đưa vào tính lãi suy giảm trên cổ phiếu vì chúng có tác dụng suy giảm ngược cho kỳ hiện tại.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. DOANH THU

31.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VNĐ	Ngàn VNĐ
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)
Doanh thu gộp	764.324.816	864.579.392
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu khoáng sản	263.569.306	-
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	195.568.680	81.534.814
Doanh thu bán hàng hóa	157.971.972	674.973.105
Doanh thu cung cấp dịch vụ	97.078.435	108.071.473
Doanh thu bán điện	35.391.310	-
Doanh thu căn hộ	14.745.113	-
 Trừ		
Hàng bán trả lại	(395.009)	(5.604.413)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(232.368)	(5.409.199)
Giảm giá hàng bán	(162.641)	(183.327)
 Doanh thu thuần	763.929.807	858.974.979
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu khoáng sản	263.569.306	-
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	195.568.680	81.534.814
Doanh thu bán hàng hóa	157.739.604	674.053.015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.915.794	103.387.150
Doanh thu bán điện	35.391.310	-
Doanh thu căn hộ	14.745.113	-
 31.2 Doanh thu hoạt động tài chính		
	Ngàn VNĐ	Ngàn VNĐ
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Lãi từ chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần và đầu tư khác	766.911.905	297.090.628
Lãi tiền gửi ngân hàng	138.426.839	45.695.089
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	25.120.800	8.944.344
Lãi cho vay các công ty khác	9.597.333	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	457.855	2.172.543
Cổ tức	150.682	750.001
Thu nhập khác	4.335.374	511.584
 Tổng cộng	945.000.788	355.164.189

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. DOANH THU (tiếp theo)

31.2 Doanh thu hoạt động tài chính (tiếp theo)

Lãi từ chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần và đầu tư khác bao gồm các khoản sau:

Ngàn VNĐ

Chuyển nhượng một phần quyền sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con (<i>Thuyết minh số 17.1</i>)	356.013.443
Chuyển nhượng quyền sở hữu khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hoàng Phúc, công ty con (<i>Thuyết minh số 17.1</i>)	410.898.462
Tổng cộng	766.911.905

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – <i>Thuyết minh số 40</i>)
Giá vốn khoáng sản	116.531.369	-
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	93.815.842	43.046.777
Giá vốn hàng bán	81.664.225	281.104.234
Giá vốn dịch vụ cung cấp	66.624.635	49.648.892
Giá vốn bán điện	17.759.385	-
Giá vốn căn hộ	30.371.956	-
Tổng cộng	406.767.412	373.799.903

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Ngàn VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu	185.895.122	89.192.882
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.922.144	3.603.238
Các khoản khác	20.594.457	27.704
Tổng cộng	215.411.723	92.823.824

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Thu nhập khác		8.935.901	26.283.110
Thu thanh lý tài sản		5.038.146	16.148.359
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng		897.626	763.039
Các khoản khác		3.000.129	9.371.712
Chi phí khác		(22.883.304)	(28.909.997)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý		(5.414.678)	(18.277.493)
Các khoản khác		<u>(17.468.626)</u>	<u>(10.632.504)</u>
Giá trị thuần		<u>(13.947.403)</u>	<u>(2.626.887)</u>

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	Ngàn VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 <i>(đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Lợi ích) chi phí thuế TNDN hoãn lại		301.134.757 (88.662.465)	138.225.814 16.185.490
Tổng cộng		212.472.292	154.411.304

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Ngân VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)
Lợi nhuận trước thuế	893.902.773	618.582.984
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Doanh thu căn hộ ghi nhận trong năm trước và xuất hóa đơn trong kỳ này	770.656.747	1.497.800
Chi phí sản xuất điện không được khấu trừ	17.385.061	-
Các khoản lỗ của các công ty con	60.251.319	92.262.925
Chi phí phải trả	62.964.810	69.853.589
Doanh thu nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	7.668.371	13.536.068
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	7.771.008	1.112.067
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm trước và xuất hóa đơn trong kỳ này	(424.247.116)	(6.711.452)
Chi phí lãi vay được khấu trừ	(107.262.000)	-
Doanh thu từ bán điện	(35.391.310)	-
Chi phí trích trước năm trước khấu trừ trong kỳ này	(31.310.712)	(87.834.003)
Lợi nhuận trong công ty liên kết	-	(4.808.450)
Thu nhập cố tức	(150.682)	(750.000)
Các khoản khác	(21.891.109)	3.484.556
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	1.200.347.160	700.226.084
Lỗ các năm trước chuyển sang	(25.705.557)	(15.114.871)
Thu nhập chịu thuế ước tính	1.174.641.603	685.111.213
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%	293.660.403	171.277.803
Trích bổ sung thuế TNDN cho các năm trước	7.474.354	1.865.876
Thuế TNDN được giảm	-	(34.917.865)
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	301.134.757	138.225.814
2% thuế TNDN ứng trước phải trả từ tiền thanh toán theo tiến độ của khách hàng	1.940.252	32.185.644
Thuế TNDN đầu kỳ	259.682.893	157.328.645
Thuế TNDN phải trả căn trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	(4.596.402)	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(50.255.395)	(77.692.602)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 23)	507.906.105	250.047.501
<i>Trong đó</i>		
2% thuế TNDN ứng trước	(84.460.782)	(104.487.643)
Thuế TNDN phải trả	592.366.887	354.535.144



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Ngàn VNĐ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ
Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 40)	
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Các khoản lỗ tính thuế	7.678.749	4.800.809	2.877.940	8.112.534
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	12.735.858	8.330.932	4.404.926	(1.224.072)
Chi phí trích trước	14.563.765	32.771.214	(18.207.449)	(23.073.952)
	34.978.372	45.902.955		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lợi thế thương mại âm hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	61.439.435	61.439.435	-	-
Doanh thu bán căn hộ ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn	244.444.369	342.062.064	(97.617.695)	-
Các khoản khác	(1.969.353)	-	(1.969.353)	-
	303.914.451	403.501.499		
Lợi ích (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại thuần trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			88.662.465	(16.185.490)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ Số tiền
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Xây dựng căn hộ	20.601.332
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư Á Đông	Công ty liên kết	Các khoản khác Phí thiết kế kỹ thuật	54.545 27.435.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Xây dựng căn hộ Mua nguyên vật liệu Doanh thu cho thuê kho	12.334.538 20.677.895 521.200

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ Số tiền
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	151.724.922
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Công việc thầu phụ do Tập đoàn cung cấp	12.751.286
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư Á Đông	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	736.644
Tổng cộng			165.212.852
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước tiền xây dựng	277.047.448
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Ứng trước tiền xây dựng	149.834.263
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	3.513.500
Tổng cộng			430.395.211

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ Số tiền
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Xây dựng căn hộ	46.650.886
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Xây dựng căn hộ	18.140.504
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư Á Đông	Công ty liên kết	Chi phí xây dựng	754.000
Tổng cộng			<u>65.545.390</u>
<i>Người mua trả tiền trước</i>			
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Ứng trước tiền mua hàng	8.081.784
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Các khoản khác	6.425
Tổng cộng			<u>8.088.209</u>
<i>Phải trả khác</i>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Các khoản khác	23.600.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư Á Đông	Công ty liên kết	Các khoản khác	27.273
Tổng cộng			<u>23.627.273</u>

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê nhiều lô đất khác tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của Câu lạc bộ bóng đá, khách sạn và trồng cây cao su. Chi tiết các lô đất thuê này như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngàn VNĐ
Dưới 1 năm	4.601.630	4.308.523	
Từ 1 đến 5 năm	19.801.047	18.514.583	
Hơn 5 năm	191.933.766	228.556.676	
Tổng cộng	<u>216.336.443</u>	<u>251.379.782</u>	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động và xây dựng công trình

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng các dự án căn hộ và dự án thủy điện như sau:

	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đã ghi nhận	Giá trị cam kết còn lại Ngàn VNĐ
Dự án căn hộ			
Căn hộ Golden house	455.921.918	189.596.353	266.325.565
Căn hộ Phú Hoàng Anh	1.233.153.806	226.936.875	1.006.216.931
Tây Nguyên Plaza	21.068.972	18.979.549	2.089.423
Dự án thủy điện			
Dự án Đăksrông 3A	8.000.000	1.530.000	6.470.000
Dự án Đăksrông 3B	171.593.623	67.752.316	103.841.307
Dự án Bá Thuốc 1	66.089.981	6.589.020	59.500.961
Dự án Bá Thuốc 2	692.259.042	384.148.037	308.111.005
Tổng cộng	2.648.087.342	895.532.150	1.752.555.192

Các cam kết góp vốn

Ngày 22 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng số 08/2010/HDCP với Công ty Cổ phần Đại Trường Phát để mua 55% cổ phần của Công ty TNHH Công nghiệp Khoáng sản Toàn Cầu theo với tổng giá trị mua là 6 triệu USD, tương đương với 101.592.000 ngàn VNĐ. Công ty đã ứng trước 38.200.000 ngàn VNĐ cho Công ty Cổ phần Đại Trường Phát theo hợp đồng trên, cam kết góp vốn còn lại cho việc chuyển nhượng này là 63.092.000 ngàn VNĐ. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, thủ tục pháp lý vẫn chưa hoàn tất.

38. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn cũng nắm giữ các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Ngoài ra, Tập đoàn phát hành trái phiếu chuyển đổi nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động đầu tư.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí, rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng thống nhất các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro bất động sản và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (ngàn VNĐ)
--------------------------	---

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

VND	+ 300	39.432.789
VND	- 300	(39.432.789)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

VND	+ 300	(9.601.771)
VND	- 300	9.601.771

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn đáng kể so với các kỳ trước.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

<i>Thay đổi tỷ giá USD (%)</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (US\$)</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (ngàn VNĐ)</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	+ 2 - 2	(395.818) 395.818
		(8.160.980) 8.160.980
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	+ 2 - 2	140.348 (140.348)
		2.893.687 (2.893.687)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Tập đoàn đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro về bất động sản

Tập đoàn đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí của các đề án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Tập đoàn thuê các chuyên gia cổ vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng hoặc các hình thức bảo hiểm tín dụng khác. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giám thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Tập đoàn có cho các công ty con trong cùng Tập đoàn và cho Chính phủ Lào vay tiền. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
30 tháng 6 năm 2011			
Các khoản vay và nợ	2.176.775.629	5.373.951.582	7.550.727.211
Trái phiếu chuyển đổi	-	1.100.000.000	1.100.000.000
Phải trả người bán	705.854.911	-	705.854.911
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.225.547.501	-	1.225.547.501
	4.108.178.041	6.473.951.582	10.582.129.623
31 tháng 12 năm 2010			
Các khoản vay và nợ	1.992.741.335	2.782.059.650	4.774.800.985
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	-	1.100.000.000
Phải trả người bán	667.296.812	-	667.296.812
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	947.529.634	-	947.529.634
	4.707.567.781	2.782.059.650	7.489.627.431

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng nhìn chung là có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình cho các khoản vay và trái phiếu phát hành (*Thuyết minh số 20 và 27*).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

39. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tài sản tài chính				
Cho vay	293.112.584	280.819.684	293.112.584	280.819.684
Trái phiếu chính phủ	20.000	20.000	20.000	20.000
Khoản phải thu	1.808.194.318	1.875.907.929	1.808.194.318	1.875.907.929
Phải thu bên liên quan	66.220	-	66.220	-
Phải thu khác	1.109.989.543	236.924.984	1.109.989.543	236.924.984
Đầu tư ngắn hạn	81.783.240	81.783.240	81.783.240	81.783.240
Quyền sử dụng đất (Đất chờ xây dựng)	2.036.999.930	1.975.214.497	2.036.999.930	1.975.214.497
Đầu tư vào công ty khác	25.326.903	25.326.903	25.326.903	25.326.903
Khác	3.323.250	3.323.250	3.323.250	3.323.250
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.123.568.302	3.588.663.440	3.123.568.302	3.588.663.440
Tổng cộng	8.482.384.290	8.067.983.927	8.482.384.290	8.067.983.927
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	8.650.727.211	5.874.800.985	8.650.727.211	5.874.800.985
Phải trả cho bên liên quan	15.992.277	-	15.992.277	-
Phải trả người bán	705.854.911	667.296.812	705.854.911	667.296.812
Nợ phải trả ngắn hạn khác	1.209.555.224	947.529.634	1.209.555.224	947.529.634
TỔNG CỘNG	10.582.129.623	7.489.627.431	10.582.129.623	7.489.627.431

Giá trị hợp lý của tài sản và phải trả tài chính không được đánh giá và quyết định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

40. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH KỲ TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn đã quyết định thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Theo đó, doanh thu và chi phí tương ứng từ việc bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất từ nay được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện trình bày trong thuyết minh số 3.1.

Trước đây, doanh thu và chi phí tương ứng từ việc bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất được ghi nhận khi tất cả các nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện. Việc thay đổi này được xem là thay đổi chính sách kế toán theo Công văn trả lời của Bộ Tài chính ngày 18 tháng 2 năm 2011 và đã được áp dụng hồi tố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót" và được trình bày như sau:

Khoản mục	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Ngàn VNĐ Số sau điều chỉnh
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010			
Doanh thu hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.512.515.611	(1.647.936.219)	864.579.392
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.216.305.216)	842.505.313	(373.799.903)
Chi phí bán hàng	(62.135.778)	23.096.681	(39.039.097)
Lợi nhuận trước thuế	1.400.917.209	(782.334.225)	618.582.984
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(212.993.284)	196.807.794	(16.185.490)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	3.292	(2.338)	954
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010			
Phải thu khách hàng	2.785.902.169	(909.994.240)	1.875.907.929
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	737.960	16.693.366	17.431.326
Hàng tồn kho	2.994.816.631	1.112.184.747	4.107.001.378
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	37.920.152	7.982.803	45.902.955
Người mua trả tiền trước	3.519.158	2.262.366.379	2.265.885.537
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	491.200.946	(106.437.287)	384.763.659
Chi phí phải trả	524.740.496	(300.841.096)	223.899.400
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	743.794.382	(340.292.883)	403.501.499
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.623.974.821	(966.547.207)	1.657.427.614
Lợi ích cổ đông thiểu số	865.959.042	(276.843.108)	589.115.934

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B09a-DN/HN
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ để bán và cho thuê;
- Sản xuất: sản xuất và bán các sản phẩm gỗ và đá;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế; và
- Trồng cây công nghiệp: trồng rừng cao su, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su và gỗ cao su.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong kỳ vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	<i>Bất động sản</i>	<i>Sản xuất</i>	<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Trồng cây công nghiệp</i>	<i>Năng lượng</i>	<i>Khoáng sản</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011									
<i>Doanh thu</i>									
Tùy khách hàng bên ngoài	14.745.113	155.422.403	96.915.794	195.568.680	2.317.201	35.391.310	263.569.306	-	763.929.807
Giữa các bộ phận	2.676.533	219.459.969	48.213.572	57.600.884	15.655.360	-	1.489.635	(345.095.953)	-
Tổng cộng	17.421.646	374.882.372	145.129.366	253.169.564	17.972.561	35.391.310	265.058.941	(345.095.953)	763.929.807
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>									
Kết quả của bộ phận	(15.626.843)	74.622.519	30.291.159	101.752.838	1.452.860	17.631.925	147.037.937	-	357.162.395
Chi phí không phân bổ									(192.848.687)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									164.313.708
Thu nhập tài chính									945.000.788
Chi phí tài chính									(215.411.723)
Lợi nhuận trước thuế									893.902.773
Thuế TNDN hiện hành									(301.134.757)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại									88.662.465
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ									681.430.481
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011									
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>									
Tài sản của bộ phận	9.586.700.857	628.049.100	347.653.055	1.193.076.185	2.642.877.931	2.345.601.308	476.644.204	-	17.220.602.640
Tiền của Tập đoàn									3.123.568.302
Đầu tư vào công ty liên kết									30.931.029
Tài sản không phân bổ									2.733.890.488
Tổng tài sản									23.108.992.459
Nợ phải trả của bộ phận	(5.425.177.751)	(239.354.001)	(628.984)	(901.589.871)	(1.227.546.439)	(1.450.907.547)	(325.443.909)	-	(9.570.648.502)
Nợ phải trả không phân bổ									(3.945.035.188)
Tổng nợ phải trả									(13.515.683.690)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

42. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này.

43. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾ THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Tập đoàn đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VNĐ cho Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000.000 VNĐ.
- ▶ Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ ngày phát hành với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thỏa thuận của chủ sở hữu trái phiếu.
- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

Lãi suất = $5\% \times (1 + \text{Thay Đổi Tỷ Giá Hồi Đói})^n$.

"Thay Đổi Tỷ Giá Hồi Đói" có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu ("Ngày Phát Hành") đến trước 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

Lãi Suất = $5\% \times (1+y)^n$

Trong đó "y" có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Tập đoàn thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Tập đoàn không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%. "n" có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ Ngày Phát Hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Phát Hành, tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Phát Hành.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc